

Bản án số: 44/2024/DS-ST
Ngày: 09 - 4 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Du Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Bà Lê Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 392/2023/TLST-DS, ngày 26 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXX-ST ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Tuyết N, sinh năm 1982

Địa chỉ cư trú: Khóm D, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Bùi Thanh T

Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2023 và tại phiên tòa bà Nguyễn Tuyết N trình bày:*

Vào ngày 19/01/2022, ông Bùi Thanh T có mượn của bà số tiền 60.000.000 đồng, khi nhận tiền ông T có viết biên nhận nhận nợ cho bà, thoả thuận đến ngày 25/01/2022 trả lại tiền cho bà nhưng ông T chỉ trả được 5.000.000 đồng, ông T còn nợ bà số tiền 55.000.000 đồng, ông T hứa trả nhưng đến nay không trả. Bà N yêu cầu ông T trả số tiền 55.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

- Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Bùi Thanh T đúng theo quy định pháp luật nhưng ông T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà N và cũng không cung

cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Tuyết N với ông Bùi Thanh T là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Bùi Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Tuyết N xác định ông Bùi Thanh T mượn của bà số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 19/01/2022 là có thật, bà N chứng minh việc ông T nợ thể hiện bằng biên nhận mượn tiền ngày 19/01/2022, nội dung thể hiện ông T có nợ bà N số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn trả vào ngày 25/01/2022. Ông T có trả cho bà N được 5.000.000 đồng còn lại 55.000.000 đồng chưa trả, bà N yêu cầu ông T trả số tiền 55.000.000 đồng. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Truyền thông b thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông T không có ý kiến gì liên quan đến số tiền bà N yêu cầu ông T trả và vắng mặt không lý do. Từ đó, cho thấy mặt nhiên ông T đã thừa nhận có nợ tiền của bà N nên bà N yêu cầu ông T trả số tiền 55.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Bùi Thanh T trả cho bà Nguyễn Tuyết N số tiền 55.000.000 đồng.

[3] Về án phí:

Yêu cầu của bà Nguyễn Tuyết N được chấp nhận nên không phải chịu án phí, bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 1.375.000 đồng, trả lại cho bà N.

Án phí có giá ngạch trên số tiền ông Bùi Thanh T phải trả cho bà Nguyễn Tuyết N, ông T phải chịu án phí là 2.750.000 đồng, theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tuyết N về việc yêu cầu ông Bùi Thanh T trả tiền.

- Buộc ông Bùi Thanh T trả cho bà Nguyễn Tuyết N số tiền 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì ông T còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Tuyết N tiền tạm ứng án phí với số tiền 1.375.000 (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006128, ngày 26/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh.

Ông Bùi Thanh T phải chịu án phí có giá ngạch với số tiền là 2.750.000 (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Án xử sơ thẩm Bà Nguyễn Tuyết N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1b)
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn

